ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Số: 610/TB-ĐHKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 10 tháng 09 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức sinh hoạt lớp học kỳ 1 năm học 2026 - 2027 (Đối với các khóa 57, 58, 59 và 60)

Thực hiện kế hoạch đào tạo năm học 2026 - 2027, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế triển khai kế hoạch tổ chức sinh hoạt lớp (SHL) học kỳ 1 năm học 2026 - 2027 như sau:

1. Thời gian và địa điểm

Tất cả các lớp tiến hành SHL trong khoảng thời gian từ 7h30 đến 17h30 ngày 13/09/2026 với hình thức cụ thể:

- Khóa 57: SHL bằng hình thức online (qua MS. Teams của lớp) theo thời gian chi tiết do CVHT và lớp thống nhất (dựa trên kế hoạch chung của nhà trường).

- Khóa 58, 59 và 60: SHL trực tiếp tại giảng đường (Cơ sở 1: 99 Hồ Đắc Di hoặc Cơ sở 2: 100 Phùng Hưng) theo Kế hoạch và sơ đồ phân công từ Phòng Đào tạo và Hỗ trợ người học.

- Riêng các lớp Khóa 59 chưa phân chuyên ngành (K59 HTTTQL; K59 A, B Kinh tế; K59A, B, C Tài chính - Ngân hàng): CVHT (theo quyết định của năm học 2025 - 2026) bố trí sinh hoạt bằng hình thức online (qua MS. Team của lớp) để xét ĐRL cho các sinh viên (SV) thuộc lớp cũ theo thời gian chi tiết do CVHT và lớp thống nhất (dựa trên kế hoạch chung của nhà trường).

2. Nội dung sinh hoạt lớp

❖ **Nội dung chung cho tất cả các khóa:**

- Đánh giá điểm rèn luyện (ĐRL) (ngoại trừ K60): SV tự đánh giá và lớp họp bình xét ĐRL học kỳ 2 năm học 2025 - 2026 theo quy định. Link tài liệu và mẫu phiếu: *https://daotao.hce.edu.vn/#/detail/contentschild/quy-dinh,-mau-diem-ren-luyen/31595/2485*

- Cập nhật quy chế và thông tin: Phổ biến quy chế đào tạo, khảo thí, công tác SV và hướng dẫn tư vấn học vụ (đăng ký học phần, thi học kỳ, học bổng, chế độ chính sách,...);

- Rà soát dữ liệu cá nhân: Kiểm tra và cập nhật thông tin trên hệ thống quản lý SV (Họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính,...) để phục vụ công tác quản lý hàng kỳ và in bằng tốt nghiệp cuối khóa;

- Hoàn thiện hồ sơ hành chính: Kiểm tra việc khai báo số tài khoản ngân hàng, nộp Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thân thể…;

- Tư vấn tâm lý và văn hóa: Nắm bắt tâm sinh lý SV và nhắc nhở thực hiện Quy tắc ứng xử văn hoá tại: *https://quydinh.hce.edu.vn/noiquysv.html*;

- Nắm bắt tình hình học tập của SV thuộc diện cảnh báo;

- Hệ thống hỗ trợ: Giới thiệu hệ thống một cửa trực tuyến *https://hotro.hce.edu.vn* và nhắc nhở SV kiểm tra email HCE và trang tín chỉ thường xuyên;

- Kiện toàn Ban cán sự lớp và Ban chấp hành các chi đoàn. Trường hợp có thay đổi Ban cán sự lớp thì cập nhật lại thông tin cho Phòng Đào tạo và Hỗ trợ người học, còn đối với Ban chấp hành chi đoàn thì gửi cho BCH Đoàn Trường.

❖ **Nội dung chuyên sâu theo từng khóa:**

- Khóa 57: Hướng dẫn thực tập cuối khóa, thực hiện khóa luận tốt nghiệp; nhắc nhở

kiểm tra tích lũy tín chỉ và nộp đủ các chứng chỉ GDQP, GDTC, Ngoại ngữ, bằng THPT.

- Khóa 58, 59, 60: Tư vấn phương pháp học tập để tốt nghiệp đúng hoặc sớm tiến độ; nhắc nhở kế hoạch thực tập nghề nghiệp (đặc biệt là K58) và ôn luyện ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra; nhắc nhở hoàn thành chứng chỉ GDQP, GDTC.

- Riêng Khóa 60: CVHT nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của TSV để kịp thời hỗ trợ; ra mắt BCS các lớp theo Quyết định của Hiệu trưởng; đề xuất BCH các chi đoàn (01 Bí thư, 01 Phó Bí thư, 01 Ủy viên) và gửi BCH Đoàn Trường ra quyết định phê duyệt; nhắc nhở SV thường xuyên kiểm tra email HCE cá nhân và trang tín chỉ để kịp thời nắm bắt thông tin của Nhà trường.

3. Trình tự thực hiện và tiến độ

TT	Nội dung công việc	Đơn vị/ Cá nhân thực hiện	Thời hạn hoàn thành
1	SV tự đánh giá ĐRL và nộp lại cho BCS	Toàn thể SV	11/09/2026
2	CVHT, BCS và BCH đánh giá ĐRL cho từng SV	CVHT, BCS, BCH	13/09/2026
3	Tổng hợp và nộp hồ sơ ĐRL cho Trợ lý CTSV Khoa	CVHT	15/09/2026
4	Khoa họp đánh giá kết quả ĐRL và gửi kết quả cho P. ĐT&HTNH	BCN Khoa	17/09/2026
5	Nhập dữ liệu ĐRL vào hệ thống	P. ĐT&HTNH	22/09/2026
6	SV phản hồi ĐRL	Toàn thể SV	23/09/2026
7	Họp đánh giá ĐRL cấp trường	Hội đồng xét ĐRL cấp Trường	25/09/2026

4. Tổ chức thực hiện

- Cố vấn học tập (CVHT): Trực tiếp điều hành và báo cáo tình hình SHL (kết quả SHL và xét ĐRL; tình hình SV vắng; SV tự ý bỏ học/thôi học) qua link: https://forms.gle/2gVdACC18sM6cF188

CVHT tuyệt đối đảm bảo việc tổ chức xét ĐRL theo 6 bước như Quy định của Nhà trường để đảm bảo việc xét ĐRL đúng và công bằng, đồng thời tránh khiếu kiện xảy ra. Trường hợp CVHT tổ chức xét ĐRL không đúng quy định để xảy ra khiếu kiện thì tự chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng đơn vị và Hiệu trưởng.

- Các Khoa: Ban Chủ nhiệm khoa chủ trì công tác kiểm tra, giám sát hoạt động SHL của các CVHT và tổ chức họp Hội đồng xét ĐRL cấp Khoa từ ngày 13 - 17/09/2026.

- Phòng chức năng: Phòng ĐT&HTNH điều phối chung, lập kế hoạch, bố trí sơ đồ sinh hoạt, tổng hợp số liệu, nhập hệ thống và báo cáo Hội đồng xét ĐRL cấp trường; Phòng KT&BĐCLGD gửi danh sách SV vi phạm quy chế thi đến các Khoa và các Phòng liên quan; Phòng TC-HC đảm bảo cơ sở vật chất giảng đường.

Mọi thắc mắc cần giải đáp, các đơn vị và CVHT liên hệ thầy Hoàng Trọng Nhật (*SĐT: 0912.636.024; email: htnhat@hce.edu.vn*). Hiệu trưởng yêu cầu các đơn vị, CVHT và SV nghiêm túc thực hiện thông báo này./

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Phan Thanh Hoàn

Nơi nhận:
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường (để t/h);
- CVHT, BCS các lớp (để t/h);
- Lưu: VT, ĐT&HTNH.HTN.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ SINH HOẠT LỚP HKI NĂM HỌC 2026-2027

Thời gian
(Ca1: 7h30-9h00; Ca2: 9h30-11h00; Ca3: 13h30-15h00; Ca4: 15h30-17h00)

TT	TT Khoa	TÊN LỚP	CVHT	Phòng SHL	Thời gian	Địa điểm
HTTTKT						
1	1	K60 HTTTQL	TS. Nguyễn Minh Đức	A1.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
2	2	K60A KTS	TS. Hoàng Triệu Huy	A2.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
3	3	K60B KTS	ThS. Hồ Minh Toàn	A1.3	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
4	4	K58 Kinh tế số	ThS.Trần Thị Khánh Linh	C1.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
5	5	K58 Phân tích DLKD	TS. Lê Thị Quỳnh Liên	A2.3	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
6	6	K58 Tin học KT	ThS. Trần Thái Hòa	C2.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
7	7	K58 TKKD	Th.S Trần Thị Phước Hà	C2.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
8	8	K60 TKKD	ThS. Mai Thanh Văn	B2.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
9	9	K59 Kinh tế số	TS. Nguyễn Thị Lệ Hương	C2.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
10	10	K59 Phân tích DLKD	TS. Dương Thị Hải Phương	C2.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
11	11	K59 Tin học KT	TS. Hà Ngọc Long	C2.4	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
12	12	K59 TKKD	ThS. Phan Thị Kim Tuyến	C3.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
13	13	K59 HTTTQL	TS. Hà Ngọc Long	Online		
KT&PT						
14	1	K60 KTQT	ThS. Trần Huỳnh Quang Minh	A1.5	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
15	2	K60A Kinh tế	ThS. Châu Lê Xuân Thi	A2.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
16	3	K60C Kinh tế	TS. Hồ Trọng Phúc	C1.3	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
17	4	K60A Logistics	ThS. Nguyễn Thị Mai	A2.4	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
18	5	K60C Logistics	PGS.TS. Tôn Nữ Hải Âu	A3.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
19	6	K60D Logistics	TS. Nguyễn Thái Phán	A3.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
20	7	K60E Logistics	ThS. Trần Minh Trí	A3.3	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
21	8	K60G Logistics	ThS. Trần Đoàn Thanh Thanh	A3.5	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di

TT	TT Khoa	TÊN LỚP	CVHT	Phòng SHL	Thời gian	Địa điểm
22	9	K60 KTNN	ThS. Hoàng Thị Ngọc Hà	A4.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
23	10	K60 CTTT	ThS. Châu Lê Xuân Thi	A2.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
24	11	K58 KT quốc tế	TS. Trần Thị Giang	C2.3	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
25	12	K58 KT&QL Du lịch	ThS. Lê Anh Quý	C2.4	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
26	13	K58 KTNN	ThS. Trần Minh Trí	P2.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
27	14	K58A KH-Đầu tư	TS. Hồ Trọng Phúc	C3.3	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
28	15	K58A Logistics	TS. Phạm Thị Thanh Xuân	C3.4	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
29	16	K58B KH-Đầu tư	ThS. Trần Huỳnh Quang Minh	C4.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
30	17	K58D Logistics	ThS. Võ Việt Hùng	C4.4	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
31	18	K58E Logistics	ThS. Nguyễn Thị Mai	A1.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
32	19	K58F Logistics	ThS. Ngô Văn Mẫn	P1.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
33	20	K58B Logistics	TS. Trần Thị Giang	B3.5	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
34	21	K59 KT&QL Du lịch	TS. Đào Duy Minh	C3.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
35	22	K59 KTNN	TS. Nguyễn Thái Phán	C3.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
36	23	K59 KH-ĐT CNTN	TS. Lê Nữ Minh Phương	C3.4	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
37	24	K58 CTTT KT-TC	PGS.TS. Tôn Nữ Hải Âu	C4.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
38	25	K59A KH-Đầu tư	TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng	C4.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
39	26	K59A Logistics	ThS. Ngô Văn Mẫn	A2.5	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
40	27	K59H Logistics	TS. Nguyễn Hoàng Diễm My	B2.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
41	28	K59C Logistics	ThS. Nguyễn Thị Mai	B4.5	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
42	29	K59A KT quốc tế	ThS. Hoàng Thị Ngọc Hà	B5.3	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
43	30	K59F Logistics	TS. Trần Hạnh Lợi	C1.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
44	31	K59B KH-Đầu tư	ThS. Nguyễn Thị Minh Phươn	C2.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
45	32	K59B KT quốc tế	ThS. Hoàng Thị Ngọc Hà	B5.3	Ca 4	Số 99 Hồ Đắc Di
46	33	K59B Logistics	ThS. Trần Đoàn Thanh Thanh	C2.3	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
47	34	K59 CTTT KT-TC	TS. Nguyễn Thị Thuý Hằng	C2.4	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
48	35	K59D Logistics	ThS. Lê Thị Thanh Nga	C3.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
49	36	K59E Logistics	ThS. Phạm Mai Thu Thủy	C3.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
50	37	K59G Logistics	TS. Võ Hoàng Hà	A1.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di

TT	TT Khoa	TÊN LỚP	CVHT	Phòng SHL	Thời gian	Địa điểm
51	38	K60 KH-ĐT CNTN	TS. Võ Hoàng Hà	A1.1	Ca 4	Số 99 Hồ Đắc Di
52	39	K60B Logistics	TS. Nguyễn Hoàng Diễm My	B2.1	Ca 4	Số 99 Hồ Đắc Di
53	40	K58C Logistics	TS. Trần Hạnh Lợi	C1.2	Ca 4	Số 99 Hồ Đắc Di
54	41	K60B Kinh tế	ThS. Nguyễn Thị Minh Phươn	C2.1	Ca 4	Số 99 Hồ Đắc Di
55	42	K60F Logistics	ThS. Phạm Mai Thu Thủy	C3.2	Ca 4	Số 99 Hồ Đắc Di
56	43	K59A Kinh tế	TS. Đào Duy Minh	Online		Số 99 Hồ Đắc Di
57	44	K59B Kinh tế	ThS. Hoàng Thị Ngọc Hà	Online		Số 99 Hồ Đắc Di
KTCT						
58	1	K58 KT chính trị	TS. Võ Thị Thu Ngọc	A1.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
59	2	K59 KT chính trị	TS. Phạm Thị Thương	A1.3	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
60	3	K60B KT chính trị	ThS. Đào Thị Cẩm Nhung	B1.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
61	4	K60A KT chính trị	ThS. Đào Thị Cẩm Nhung	B1.2	Ca 4	Số 99 Hồ Đắc Di
KT-TC						
62	1	K59A TC - NH	TS. Lê Viết Giáp	Online		
63	2	K60B Kiểm toán	ThS. Lê Ngọc Lưu Quang	B1.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
64	3	K60A TCNH	ThS. Hoàng Hạnh Nguyên	B2.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
65	4	K60B TCNH	TS. Nguyễn Thị Khánh Trang	B2.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
66	5	K60 Kế toán CNTN	TS. Nguyễn Hoàng	B2.3	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
67	6	K60 Rennes	ThS. Hà Thị Phi Hường	A4.5	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
68	7	K60A Kế toán	ThS. Hoàng Thùy Dương	P1.1	Ca 1	100 Phùng Hưng
69	8	K60B Kế toán	ThS. Tôn Thất Lê Hoàng Thiệ	P1.2	Ca 1	100 Phùng Hưng
70	9	K60C Kế toán	ThS. Nguyễn Quang Huy	P1.3	Ca 1	100 Phùng Hưng
71	10	K60D Kế toán	ThS. Phan Xuân Quang Minh	P1.4	Ca 1	100 Phùng Hưng
72	11	K60E Kế toán	CN. Nguyễn Lê Ngọc Hiếu	P1.5	Ca 1	100 Phùng Hưng
73	12	K60F Kế toán	ThS. Nguyễn Tiến Nhật	P2.1	Ca 1	100 Phùng Hưng
74	13	K60G Kế toán	ThS. Nguyễn Tuyết Trinh	P2.2	Ca 1	100 Phùng Hưng
75	14	K58 Công nghệ TC	ThS. Hoàng Hạnh Nguyên	A1.4	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
76	15	K58 Tài chính	ThS. Phan Nhật Quang	A1.5	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
77	16	K58 Kế toán CNTN	TS. Đỗ Sông Hương	A2.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di

TT	TT Khoa	TÊN LỚP	CVHT	Phòng SHL	Thời gian	Địa điểm
78	17	K58 Rennes TC-NH	ThS. Hà Thị Phi Hường	A2.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
79	18	K58A Kế toán	ThS. Hoàng Thùy Dương	A2.2	Ca 4	Số 99 Hồ Đắc Di
80	19	K58A Kiểm toán	ThS. Hoàng Thị Kim Thoa	A2.4	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
81	20	K58A Ngân hàng	ThS. Trần Thị Khánh Trâm	A2.5	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
82	21	K58B Kế toán	ThS. Tôn Thất Lê Hoàng Thiệ	A1.3	Ca 4	Số 99 Hồ Đắc Di
83	22	K58B Kiểm toán	ThS. Trần Phan Khánh Trang	A3.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
84	23	K58B Ngân hàng	TS. Nguyễn Hồ Phương Thảo	A3.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
85	24	K58C Kế toán	ThS. Phan Xuân Quang Minh	A1.4	Ca 4	Số 99 Hồ Đắc Di
86	25	K58D Kế toán	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình	A3.5	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
87	26	K58E Kế toán	ThS. Lê Hoàng Anh	A4.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
88	27	K58F Kế toán	ThS. Lê Ngọc Lưu Quang	A4.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
89	28	K58G Kế toán	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	A4.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
90	29	K58H Kế toán	TS. Phạm Thị Hồng Quyên	A4.4	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
91	30	K60A Kiểm toán	TS. Nguyễn Ngọc Thuỷ	B1.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
92	31	K59A Tài chính	TS. Lê Viết Giáp	B1.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
93	32	K59 Công nghệ TC	TS. Phạm Quốc Khang	A1.4	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
94	33	K59 Kiểm toán	TS. Phạm Thị Bích Ngọc	A2.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
95	34	K59 Ngân hàng	TS. Nguyễn Thị Khánh Trang	A2.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
96	35	K59 Kế toán CNTN	TS. Phạm Thị Bích Ngọc	A2.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
97	36	K59 Rennes TC-NH	ThS. Hà Thị Phi Hường	A2.3	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
98	37	K59A Kế toán	ThS. Phan Nhật Quang	A2.4	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
99	38	K59B Kế toán	TS. Lê Ngọc Quỳnh Anh	A3.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
100	39	K59B Tài chính	TS. Lê Viết Giáp	A3.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
101	40	K59C Kế toán	TS. Nguyễn Mai Quỳnh Anh	A3.3	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
102	41	K59C Tài chính	ThS. Nguyễn Tuyết Trinh	A3.4	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
103	42	K59D Kế toán	TS. Nguyễn Hồ Phương Thảo	A3.5	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
104	43	K59E Kế toán	ThS. Hoàng Thị Kim Thoa	A4.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
105	44	K59F Kế toán	ThS. Trần Thị Khánh Trâm	A4.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
106	45	K59G Kế toán	ThS. Nguyễn Tiến Nhật	A4.3	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di

TT	TT Khoa	TÊN LỚP	CVHT	Phòng SHL	Thời gian	Địa điểm
107	46	K59B TC - NH	ThS. Nguyễn Tuyết Trinh	Online		Số 99 Hồ Đắc Di
108	47	K59C TC - NH	TS. Nguyễn Thị Khánh Trang	Online		Số 99 Hồ Đắc Di
Marketing & TM						
109	1	K58B KDTM	TS. Nguyễn Thị Diệu Linh	A1.4	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
110	2	K58A Marketing	CN.Trần Thị Hoài	B1.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
111	3	K60A KDTM	Ths. Nguyễn Như Phương An	B3.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
112	4	K60B KDTM	CN. Trương Nguyễn Trung Hi	B3.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
113	5	K60C KDTM	Ths. Hoàng Việt Hạnh Nguyê	B3.3	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
114	6	K58D Marketing	CN. Trương Thị Kim Ngọc	B3.4	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
115	7	K60B TMĐT	Ths. Lê Ngọc Anh Vũ	B3.5	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
116	8	K60C TMĐT	Ths. Võ Thị Mai Hà	B4.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
117	9	K58A TMĐT	ThS. Võ Phan Nhật Phương	B5.3	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
118	10	K60A Marketing	TS. Phan Thị Thanh Thuỷ	P2.3	Ca 1	100 Phùng Hưng
119	11	K60C Marketing	ThS. Ngô Minh Tâm	P2.4	Ca 1	100 Phùng Hưng
120	12	K58A KDTM	TS. Lê Thị Phương Thanh	A4.5	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
121	13	K58B Marketing	CN.Trần Thị Hoài	B2.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
122	14	K58B TMĐT	ThS. Võ Phan Nhật Phương	B2.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
123	15	K58C KDTM	ThS. Bùi Thị Thanh Nga	B2.4	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
124	16	K58C Marketing	ThS. Nguyễn Thị Thúy Đạt	B3.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
125	17	K59B KDTM	CN. Trương Nguyễn Trung Hi	B3.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
126	18	K58D KDTM	TS. Nguyễn Thị Diệu Linh	B3.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
127	19	K60A TMĐT	Ths. Phạm Phương Trung	B3.4	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
128	20	K60D TMĐT	ThS. Võ Thị Mai Hà	B4.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
129	21	K58E Marketing	CN. Trương Thị Kim Ngọc	B4.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
130	22	K58C TMĐT	TS. Trần Hà Uyên Thi	C2.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
131	23	K59B Marketing	Ths. Lê Nguyễn Cát Tường	C4.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
132	24	K60B Marketing	TS. Phan Thị Thanh Thuỷ	P2.3	Ca 2	100 Phùng Hưng
133	25	K60D Marketing	ThS. Ngô Minh Tâm	P2.4	Ca 2	100 Phùng Hưng
134	26	K59A KDTM	CN. Trương Nguyễn Trung Hi	A4.4	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di

TT	TT Khoa	TÊN LỚP	CVHT	Phòng SHL	Thời gian	Địa điểm
135	27	K59A Marketing	Ths. Lê Nguyễn Cát Tường	A4.5	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
136	28	K59A TMĐT	ThS. Cái Vĩnh Chi Mai	B1.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
137	29	K59B TMĐT	ThS. Võ Phan Nhật Phương	B2.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
138	30	K59C Marketing	CN. Trần Thị Hoài	B2.3	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
139	31	K59C TMĐT	TS. Nguyễn Thị Diệu Linh	B2.4	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
140	32	K59D Marketing	CN. Trương Thị Kim Ngọc	B3.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
141	33	K59D TMĐT	Ths. Phạm Phương Trung	B3.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
142	34	K59E Marketing	TS. Hồ Thị Hương Lan	B3.3	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
143	35	K58D TMĐT	TS. Trần Hà Uyên Thi	B4.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
QTKD						
144	1	K59E QTKD	ThS. Nguyễn Ánh Dương	B2.4	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
145	2	K60 KDQT	ThS. Lê Ngọc Liêm	B4.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
146	3	K60A QTNL	CN. Nguyễn Hoàng Tân	B4.3	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
147	4	K60B QTNL	ThS. Trần Quốc Phương	B4.4	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
148	5	K60C QTNL	ThS. Tống Thị Thanh Thảo	B4.5	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
149	6	K60A QTKD	ThS. Hồ Sỹ Minh	B5.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
150	7	K60B QTKD	TS. Hoàng La Phương Hiền	B5.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
151	8	K60E QTKD	TS. Nguyễn Thế Hùng	C1.1	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
152	9	K59B QTKD	TS. Lê Thị Ngọc Anh	C3.2	Ca 1	Số 99 Hồ Đắc Di
153	10	K60 QTKD CNTN	ThS. Lê Ngọc Liêm	B4.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
154	11	K58 CN tài năng QTKD	ThS. Nguyễn Thị Trà My	B4.4	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
155	12	K58A QTKD	TS. Trương Thị Hương Xuân	B4.5	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
156	13	K58A QTNL	ThS. Nguyễn Ánh Dương	B5.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
157	14	K60C QTKD	TS. Hoàng La Phương Hiền	B5.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
158	15	K58B QTKD	TS. Lê Thị Ngọc Anh	B5.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
159	16	K58C QTKD	ThS. Hồ Sỹ Minh	C1.1	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
160	17	K58D QTKD	ThS. Trần Quốc Phương	C1.2	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
161	18	K58E QTKD	TS. Nguyễn Thế Hùng	C1.3	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
162	19	K59 QTNL	ThS. Lê Ngọc Liêm	B3.4	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di

TT	TT Khoa	TÊN LỚP	CVHT	Phòng SHL	Thời gian	Địa điểm
163	20	K59 CN tài năng QTKD	ThS. Nguyễn Thị Trà My	B3.5	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
164	21	K59A QTKD	TS. Lê Thị Ngọc Anh	B4.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
165	22	K59C QTKD	CN. Nguyễn Hoàng Tân	C4.4	Ca 2	Số 99 Hồ Đắc Di
166	23	K59D QTKD	CN. Nguyễn Hoàng Tân	B4.4	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
167	24	K59F QTKD	ThS. Nguyễn Ánh Dương	B5.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
168	25	K58B QTNL	TS. Hoàng La Phương Hiền	B5.2	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
169	26	K60D QTKD	ThS. Trần Quốc Phương	C1.1	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di
170	27	K58F QTKD	TS. Nguyễn Thế Hùng	C1.3	Ca 3	Số 99 Hồ Đắc Di

(Danh sách này có 170 lớp)